



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
QUÝ IV NĂM 2019**

Đà Nẵng, tháng 01 năm 2020

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>MÃ SỐ</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>SỐ CUỐI KỲ (31/12/2019)</b>	<b>SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2019)</b>
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>948.102.705.942</b>	<b>1.121.767.785.537</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>		<b>30.304.159.223</b>	<b>25.052.150.214</b>
1. Tiền	111	V.1	27.304.159.223	25.052.150.214
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	0
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>15.283.145.329</b>	<b>14.090.680.083</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	15.283.145.329	14.090.680.083
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>247.340.784.379</b>	<b>256.473.383.757</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	211.013.119.950	233.941.015.640
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		18.131.984.326	20.067.445.830
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		611.200.000	652.400.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	23.768.810.817	7.733.979.408
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137		(6.184.330.714)	(5.921.457.121)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>616.188.431.966</b>	<b>795.741.014.655</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.5	616.665.418.119	795.741.014.655
a. Hàng mua đang đi đường			61.917.550.070	95.158.139.000
b. Nguyên liệu vật liệu tồn kho	142		148.709.503.215	239.783.772.107
c. Công cụ dụng cụ trong kho	143		284.805.348	170.741.452
d. Chi phí SXKD dở dang	144		257.075.276.427	234.691.886.761
e. Thành phẩm tồn kho	145		127.478.095.888	105.736.030.252
f. Hàng hoá tồn kho	146		4.973.220.043	1.181.983.657
g. Hàng gửi đi bán	147		16.226.967.128	119.018.461.426
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(476.986.153)	0
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>38.986.185.045</b>	<b>30.410.556.828</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	10.470.773.328	7.205.647.446
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.12	28.487.003.763	23.177.871.945
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	28.407.954	27.037.437

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (31/12/2019)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2019)
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>824.312.095.517</b>	<b>872.315.526.201</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>4.384.390.930</b>	<b>1.596.552.619</b>
1 . Phải thu về cho vay dài hạn	215		1.010.200.000	514.300.000
2 . Phải thu dài hạn khác	216	V.4	3.374.190.930	1.082.252.619
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>743.070.261.946</b>	<b>828.729.645.415</b>
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	741.595.385.797	826.077.632.203
- Nguyên giá	222		1.672.676.992.315	1.595.038.829.026
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(931.081.606.518)	(768.961.196.823)
2 . Tài sản cố định vô hình	227	V.7	1.474.876.149	2.652.013.212
- Nguyên giá	228		10.402.507.069	10.322.812.069
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(8.927.630.920)	(7.670.798.857)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>35.047.117.854</b>	<b>1.173.000.428</b>
1 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	35.047.117.854	1.173.000.428
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.2	<b>13.921.157.294</b>	<b>13.592.194.134</b>
1 . Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		12.564.557.402	11.330.594.242
2 . Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.755.702.000	7.755.702.000
3 . Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(6.399.102.108)	(6.399.102.108)
4 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	905.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	V.9	<b>27.889.167.493</b>	<b>27.224.133.605</b>
1 . Chi phí trả trước dài hạn	261		27.679.037.447	26.873.916.864
2 . Lợi thế thương mại	269		210.130.046	350.216.741
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.772.414.801.459</b>	<b>1.994.083.311.738</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính chính hợp nhất này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>MÃ SỐ</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>SỐ CUỐI KỲ (31/12/2019)</b>	<b>SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2019)</b>
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.291.040.688.066</b>	<b>1.549.453.855.609</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>911.787.999.656</b>	<b>1.108.309.957.111</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	231.456.590.694	242.117.376.966
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.028.276.935	11.738.606.197
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.11	8.989.519.074	9.544.568.006
4. Phải trả người lao động	314		300.590.697.021	254.157.284.180
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	4.752.724.114	4.419.159.238
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	16.722.481.710	15.991.653.672
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	273.060.607.020	516.475.636.275
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	70.187.103.088	53.865.672.577
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>379.252.688.410</b>	<b>441.143.898.498</b>
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		11.889.559.587	15.294.587.874
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	367.363.128.823	425.849.310.624
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>481.374.113.393</b>	<b>444.629.456.129</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>481.374.113.393</b>	<b>444.629.456.129</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		225.000.000.000	225.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		225.000.000.000	225.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		113.283.038.700	98.179.356.087
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		116.888.130.789	95.578.326.576
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		622.452.819	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		116.265.677.970	95.578.326.576
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		26.202.943.904	25.871.773.466
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.772.414.801.459</b>	<b>1.994.083.311.738</b>

**Đà Nẵng, ngày 21 tháng 01 năm 2020**

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Đặng Thị Oanh Nữ*

*Nguyễn Văn Cường*



**Đặng Thị Oanh Nữ**

**Nguyễn Văn Cường**

**Nguyễn Đức Trí**

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

**Mẫu B 02a – DN/HN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC*

*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			năm 2019	năm 2018	năm 2019	năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.031.149.124.818	980.452.638.268	4.255.289.625.387	4.346.084.997.714
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		282.664.127	177.674.142	919.769.881	1.190.047.933
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01- 02)	10		1.030.866.460.691	980.274.964.126	4.254.369.855.506	4.344.894.949.781
4. Giá vốn hàng bán	11		935.582.042.144	891.193.490.889	3.906.445.662.121	3.963.259.145.469
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		95.284.418.547	89.081.473.237	347.924.193.385	381.635.804.312
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	6.511.962.260	5.350.206.899	25.720.478.718	22.617.231.195
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	8.124.834.814	13.978.830.017	42.258.329.331	67.764.901.361
<i>Trong đó: Lãi vay phải trả</i>	23		7.744.442.514	11.229.141.534	36.226.973.281	40.558.013.855
8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết	24		656.155.411	-	2.840.963.160	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.4	23.568.790.035	20.457.570.833	87.658.706.345	87.548.734.182
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	32.380.353.577	37.571.654.302	123.704.963.918	141.304.543.330
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20+(21 - 22)+24-(25 + 26)]	30		38.378.557.792	22.423.624.984	122.863.635.669	107.634.856.634
12. Thu nhập khác	31	VI.6	747.482.646	643.547.931	2.071.550.925	4.956.404.140
13. Chi phí khác	32	VI.7	321.807.246	1.327.995.098	2.304.250.153	4.079.710.371
14. Lợi nhuận khác 40 = (31 - 32)	40		425.675.400	(684.447.167)	(232.699.228)	876.693.769
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		38.804.233.192	21.739.177.817	122.630.936.441	108.511.550.403
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.191.302.492	2.549.760.357	6.064.088.033	7.909.520.476
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50-51-52)	60		36.612.930.700	19.189.417.460	116.566.848.408	100.602.029.927
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		35.753.738.375	22.324.604.083	120.559.206.044	96.245.740.205
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		859.192.325	(3.135.186.623)	(3.992.357.636)	4.356.289.722
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-		5.358	4.278

**Đà Nẵng, ngày 21 tháng 01 năm 2020**

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

*Đặng Thị Oanh Nữ*

**Đặng Thị Oanh Nữ**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

*Nguyễn Văn Cường*

**Nguyễn Văn Cường**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Đức Trí**

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

**Mẫu B 03a – DN/HN**

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Kỳ tài chính từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</b>	<b>Kỳ tài chính từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>122.630.936.441</b>	<b>108.511.550.403</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ	02		169.157.547.325	153.195.666.276
- Các khoản dự phòng	03		739.859.746	5.671.955.022
- Lỗ/ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(731.190.744)	10.201.846.851
- Lỗ/ (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(5.092.573.280)	(7.137.203.168)
- Chi phí lãi vay	06		36.226.973.281	40.558.013.855
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động ( 08 = 01 + 02 + 03 + 04 + 05 + 06 )</b>	<b>08</b>		<b>322.931.552.769</b>	<b>311.001.829.239</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.427.125.402	56.354.897.023
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		179.075.596.536	(139.153.791.525)
- Tăng, giảm các khoản phải trả( không kể lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11		25.608.152.279	184.064.103.656
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.563.942.111)	1.916.686.589
- Tiền lãi vay đã trả	14		(36.564.368.059)	(41.027.029.054)
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.608.323.686)	(7.284.731.745)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		310.144.999	115.827.451
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.590.905.632)	(18.711.514.918)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>478.025.032.497</b>	<b>347.276.276.716</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Kỳ tài chính từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</b>	<b>Kỳ tài chính từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(116.460.287.528)	(167.548.030.686)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		302.999.999	5.888.518.289
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.472.465.246)	(264.484.483)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.730.300.000	5.171.471.529
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(19.851.077.489)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, và lợi nhuận được chia	27		1.781.768.863	2.154.080.550
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(115.117.683.912)</b>	<b>(174.449.522.290)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		30.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		2.948.352.283.371	3.219.776.727.880
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.250.313.813.827)	(3.350.262.468.933)
4. Cổ tức, lợi tức đã trả cho chủ sở hữu	36		(56.161.728.500)	(47.664.236.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(358.093.258.956)</b>	<b>(178.149.977.053)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>4.814.089.629</b>	<b>(5.323.222.627)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>25.052.150.214</b>	<b>30.217.978.641</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		437.919.380	157.394.200
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.01</b>	<b>30.304.159.223</b>	<b>25.052.150.214</b>

**Đà Nẵng, Ngày 21 tháng 01 năm 2020**

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

*Đặng Thị Oanh Nữ*

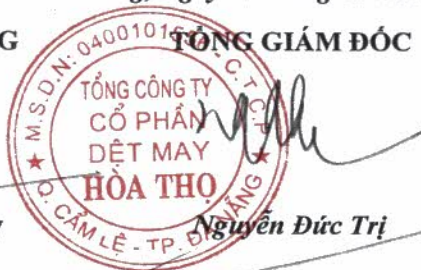
**Đặng Thị Oanh Nữ**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

*Nguyễn Văn Cường*

**Nguyễn Văn Cường**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Đức Trí**

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

**Mẫu B 03a – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**I. Đặc điểm hoạt động:**

**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“ Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, trong đó Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ 64,96% vốn. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

**2. Lĩnh vực kinh doanh:**

Tổng công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm sợi, may mặc

**3. Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi, chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.
- Sản xuất, buôn bán các sản phẩm cơ khí.
- Cho thuê tài sản cố định và máy móc thiết bị.
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, siêu thị, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Gia công kết cấu khung nhà thép các loại, gia công chế tạo, lắp đặt hệ thống thông gió, hệ thống áp lực các loại.

**4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

**5. Cấu trúc doanh nghiệp:**

Số liệu báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày trên đây đã được hợp nhất số liệu của Tổng công ty và các công ty con trong toàn tập đoàn, bao gồm:

- Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
- Công ty Cổ phần Thời Trang Hòa Thọ
- Công ty Cổ phần May Hòa Thọ Hội An
- Công ty Cổ phần may Hòa Thọ Duy Xuyên
- Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ Thăng Bình
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây Dựng Hòa Thọ



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

**1. Kỳ kế toán năm:**

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

**2. Đơn vị tiền tệ kế toán:**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VNĐ”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này.

**III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:**

**1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Tổng công ty và các công ty con áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam, ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính. Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài Chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam:**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**IV. Các Chính sách kế toán áp dụng:**

**1. Cơ sở hợp nhất:**

**1.1. Công ty con:**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của Công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**1.2. Lợi ích cổ đông không kiểm soát:**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

**1.3. Công ty liên kết:**

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC*

*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**1.4. Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất:**

Các số dư và giao dịch trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng công ty tại các công ty liên kết này.

**2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền:**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày đầu tư, được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiêu ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư:**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập khi có những bằng chứng xác định là các khoản nợ phải thu không chắc chắn thu được. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc bao gồm tất cả chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính chi cho việc tiêu thụ chúng. Việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

**6. Nguyên tắc ghi nhận Tài sản cố định:**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định

Khấu hao được tính theo phương pháp thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định, và phù hợp với thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính, thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa	10 – 25 năm.
- Máy móc và thiết bị:	5 – 15 năm.
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn:	5 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý:	3 – 5 năm.
- Tài sản khác:	2 – 5 năm.
- Phần mềm máy tính:	3 – 5 năm.

**7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước dài hạn:**

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế phát sinh nhưng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải người bán và các khoản phải trả khác:**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC*

*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính:**

\* Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có các yếu tố không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi lại các khoản thu, chi có liên quan hoặc hàng hóa có thể bị trả lại.

\* Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành dịch vụ vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

\* Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu hồi được lợi ích kinh tế từ khi giao dịch đó.

**10. Chính sách thuế và các lệ phí nộp ngân sách Nhà nước mà Tổng Công ty đang thực hiện:**

- Thuế giá trị gia tăng, áp dụng mức:
  - Thuế suất 0%: áp dụng cho gia công hàng may mặc xuất khẩu, sợi xuất khẩu
  - Thuế suất 5%: áp dụng cho việc bán bông phế.
  - Thuế suất 10%: áp dụng cho việc bán phế liệu ngành may, xơ phế; các loại sản phẩm, hàng hóa, nguyên vật liệu.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
  - Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất ưu đãi 10%
  - Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp 50% x 10% theo Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 27/03/2007
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam**

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng Cân đối kế toán:**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền:**

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
Tiền mặt tại quỹ	90.186.698	180.477.624
_ VND	64.281.338	180.477.624
_ USD	25.905.360	
Tiền gửi ngân hàng	27.213.972.525	24.871.672.590
_ VND	18.307.696.598	9.077.962.372
_ USD	8.900.273.293	15.787.254.561
_ EURO	6.002.634	6.455.657
Tương đương tiền	3.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>30.304.159.223</b>	<b>25.052.150.214</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính:**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:**

	<b>31/12/2019</b>		<b>01/01/2019</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>
<b>- Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	15.283.145.329	15.283.145.329	14.090.680.083	14.090.680.083
<b>- Dài hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn 5 năm	-	-	905.000.000	5.000.000
<b>Cộng</b>	<b>15.283.145.329</b>	<b>15.283.145.329</b>	<b>14.995.680.083</b>	<b>14.095.680.083</b>

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Lãi / lỗ được chia từ công ty liên kết	Giá gốc	Lãi / lỗ được chia từ công ty liên kết
Công ty Cổ phần may Hòa Thọ Phú Ninh	4.000.000.000	(3.790.455.319)	4.000.000.000	(4.000.000.000)
Công ty CP May Hòa Thọ Quảng Nam	6.428.000.000	5.927.012.721	6.428.000.000	4.902.594.242
<b>Cộng</b>	<b>10.428.000.000</b>	<b>2.136.557.402</b>	<b>10.428.000.000</b>	<b>902.594.242</b>

\* Đầu tư vào đơn vị khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty cổ phần Bông Miền Trung	855.702.000	(99.102.108)	855.702.000	(99.102.108)
Công ty Cổ phần bao bì Hòa thọ Quảng Đà	600.000.000	-	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may TP HCM	6.300.000.000	(6.300.000.000)	6.300.000.000	(6.300.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>7.755.702.000</b>	<b>(6.399.102.108)</b>	<b>7.755.702.000</b>	<b>(6.399.102.108)</b>

Tổng công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***c) Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</b>
<b>Công ty liên kết - Công ty CP may Hòa Thọ Quảng Nam</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	91.907.845	45.839.405
Mua hàng hóa và dịch vụ	83.166.271.692	89.522.866.675
<b>Công ty liên kết - Công ty CP may Hòa Thọ Phú Ninh</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	752.330.599	684.696.718
Mua hàng hóa và dịch vụ	70.817.115.352	67.717.024.444
<b>Công ty mẹ - Tập Đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	3.170.982.016	2.617.684.785
Mua hàng hóa và dịch vụ	39.084.103.694	36.463.620.291

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng:****a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn :**

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
<i>HAGGAR CLOTHING CO.</i>	17.192.915.288	12.228.389.708
<i>HAGGAR CANADA CO.</i>	10.190.165.438	12.812.884.041
<i>DESTINATION XL GROUP INC</i>	6.633.439.143	5.278.985.207
<i>KURARAY TRADING CO.,LTD</i>	14.279.004.420	2.548.150.530
<i>MOTIVES (FAR EAST) LIMITED</i>	56.398.152.308	49.937.802.854
<i>SUPREME INTERNATIONAL INC</i>	12.314.022.810	24.812.541.214
<i>GAMAL IBRAHIM AHMED AL OKIYA</i>	34.002.486.819	34.599.626.692
<i>RISATEL SOCIEDADE COMERCIAL DE FIOS TEXTEIS, LDA</i>	3.390.697.611	13.858.967.397
<i>ASMARA INTERNATIONAL LTD</i>	52.036.846	20.322.042.566
<i>TEXTIL JADUE LIMITADA</i>	2.080.284.621	2.854.265.965
<i>Các khách hàng khác</i>	54.479.914.646	54.687.359.466
<b>Tổng cộng</b>	<b>211.013.119.950</b>	<b>233.941.015.640</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Tập Đoàn Dệt May Việt Nam	182.883.842	146.031.576
<b>Tổng cộng</b>	<b>182.883.842</b>	<b>146.031.576</b>

**4. Các khoản phải thu khác:**

**a, Phải thu ngắn hạn khác:**

	<u>31/12/2019</u>		<u>01/01/2019</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
CBCNV tạm ứng	881.895.839		770.470.550	-
Ký cược, ký quỹ	20.270.798.131		1.300.319.238	
Phải thu khác	2.616.116.847		5.663.189.620	-
- Phải thu tiền BHYT, BHXH, BHTN	20.200.520		3.136.927.777	-
- Phải thu khác	2.595.916.327		2.526.261.843	-
<b>Cộng</b>	<b>23.768.810.817</b>	<b>-</b>	<b>7.733.979.408</b>	<b>-</b>

**b, Phải thu dài hạn khác:**

	<u>31/12/2019</u>		<u>01/01/2019</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Kí quỹ bảo đảm đầu tư dự án "Đầu tư xây dựng Nhà Máy May Triệu Phong"	2.450.000.000			
- Đặt cọc tiền thuê mặt bằng	924.190.930	-	1.082.252.619	-
<b>Cộng</b>	<b>3.374.190.930</b>	<b>-</b>	<b>1.082.252.619</b>	<b>-</b>

**5. Hàng tồn kho:**

	<u>31/12/2019</u>		<u>01/01/2019</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	61.917.550.070		95.158.139.000	
Nguyên vật liệu	148.709.503.215		239.783.772.107	
Công cụ dụng cụ	284.805.348		170.741.452	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	257.075.276.427		234.691.886.761	
Thành phẩm	127.478.095.888	(476.986.153)	105.736.030.252	-
Hàng hóa	4.973.220.043	-	1.181.983.657	-
Hàng gửi đi bán	16.226.967.128		119.018.461.426	
<b>Cộng</b>	<b>616.665.418.119</b>	<b>(476.986.153)</b>	<b>795.741.014.655</b>	<b>-</b>



Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Tài sản cố định hữu hình:

Chi tiêu	Nhóm	Nhà cửa kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>							
Số dư tại ngày 01/01/2019		344.699.449.710	1.108.098.081.099	56.030.690.154	7.556.876.338	78.653.731.725	1.595.038.829.026
Mua mới trong năm		2.848.370.420	23.438.252.178	588.134.111	168.358.273	7.555.001.682	34.598.116.664
Chuyển từ XDCB dở dang		5.697.154.753	39.013.870.446	-	-	5.500.703.394	50.211.728.593
Phân loại lại tài sản		-	12.159.954.866	(12.159.954.866)	-	-	-
Thanh lý		(1.094.011.741)	(2.736.993.012)	(1.513.219.891)	(73.859.091)	(30.447.091)	(5.448.530.826)
Chuyển sang phân bổ ngắn hạn		(1.723.151.142)	-	-	-	-	(1.723.151.142)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2019</b>		<b>350.427.812.000</b>	<b>1.179.973.165.577</b>	<b>42.945.649.508</b>	<b>7.651.375.520</b>	<b>91.678.989.710</b>	<b>1.672.676.992.315</b>
<b>Giá trị đã hao mòn</b>							
Số dư tại ngày 01/01/2019		118.960.786.147	562.168.655.602	30.002.242.902	5.335.291.847	52.494.220.325	768.961.196.823
Khấu hao trong kỳ		19.055.306.717	134.799.277.473	3.685.098.607	954.531.235	9.178.804.083	167.673.018.115
Phân loại lại tài sản		-	911.996.612	(911.996.612)	-	-	-
Thanh lý		(1.068.852.999)	(2.736.993.012)	(1.513.219.891)	(73.859.091)	(30.447.091)	(5.423.372.084)
Chuyển sang phân bổ ngắn hạn		(129.236.336)	-	-	-	-	(129.236.336)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2019</b>		<b>136.818.003.529</b>	<b>695.142.936.675</b>	<b>31.262.125.006</b>	<b>6.215.963.991</b>	<b>61.642.577.317</b>	<b>931.081.606.518</b>
<b>Giá trị còn lại</b>							
- Số dư tại ngày 01/01/2019		225.738.663.563	545.929.425.497	26.028.447.252	2.221.584.491	26.159.511.400	826.077.632.203
- Số dư tại ngày 31/12/2019		213.609.808.471	484.830.228.902	11.683.524.502	1.435.411.529	30.036.412.393	741.595.385.797

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 471.751 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***7. Tài sản cố định vô hình:**

	<b>Phần mềm</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư tại ngày 01/01/2019	10.322.812.069
Tăng trong kỳ	79.695.000
<b>Số dư tại ngày 31/12/2019</b>	<b>10.402.507.069</b>
<b>Khấu hao</b>	
Số dư tại ngày 01/01/2019	7.670.798.857
Tăng trong kỳ	1.256.832.063
<b>Số dư tại ngày 31/12/2019</b>	<b>8.927.630.920</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư tại ngày 01/01/2019	2.652.013.212
<b>Số dư tại ngày 31/12/2019</b>	<b>1.474.876.149</b>

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 3.963 triệu VNĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:**

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
+ Đầu tư xây dựng Tổ hợp Trung tâm May đo Thời Trang - Showroom - VP cho thuê	26.342.272.713	-
+ Cải tạo nâng cấp Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt TCT	2.841.983.614	-
+ Chi phí cải tạo may Điện Bàn	600.025.460	479.608.685
+ Đầu tư thiết bị nhà máy sợi	4.442.285.100	-
+ Chi phí xây dựng mở rộng May Duy Xuyên	472.568.604	472.568.604
+ Các công trình khác	347.982.363	220.823.139
<b>Cộng</b>	<b>35.047.117.854</b>	<b>1.173.000.428</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Chi phí trả trước:**

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	10.470.773.328	7.205.647.446
<b>b. Dài hạn:</b>		
Chi phí trả trước dài hạn là công cụ không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ	27.679.037.447	26.873.916.864
<b>c. Lợi thế thương mại</b>	210.130.046	350.216.741
<b>Cộng</b>	<b>38.359.940.821</b>	<b>34.429.781.051</b>

**10. Phải trả người bán ngắn hạn:**

- Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn:*

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
HULTAFORS GROUP AB	26.352.941.612	10.195.414.891
MANHATTAN OUTDOOR WEAR FACTORY LTD	2.667.745.423	8.675.972.079
BTSC CO., LTD	2.849.871.700	4.744.838.192
KWONG LUNG ENTERPRISE CO.,LTD	10.607.188.352	-
MOTIVES (FAR EAST) LIMITED	5.297.293.775	7.203.665.452
Kufner Hongkong Limited	4.111.834.977	16.126.370.100
CDI COTTON DISTRIBUTORS INC	17.611.066	10.343.303.873
LOUIS DREYFUS COMMODITIES		10.317.681.150
Tập Đoàn Dệt May Việt Nam	34.194.954.604	17.843.537.499
Công ty Cổ phần may Hoà Thọ Quảng Nam	8.603.204.098	7.581.742.746
Các nhà cung cấp khác	136.753.945.087	149.084.850.984
	<b>231.456.590.694</b>	<b>242.117.376.966</b>

- Phải trả người bán là các bên liên quan:*

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
- Tập đoàn Dệt May Việt Nam	34.194.954.604	17.843.537.499
- Công ty Cổ phần may Hoà Thọ Quảng Nam	8.603.204.098	7.581.742.746
<b>Tổng cộng</b>	<b>42.798.158.702</b>	<b>25.425.280.245</b>

**11. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp nhà nước:**

**a, Thuế và các khoản phải thu nhà nước:**

	01/01/2019	Số phát sinh	Số đã nộp	Số bù trừ với thuế phải trả	khác	31/12/2019
Thuế thu nhập DN	14.843.386					14.843.386
Thuế thu nhập cá nhân	12.194.051		1.370.517			13.564.568
<b>Cộng</b>	<b>27.037.437</b>	<b>-</b>	<b>1.370.517</b>	<b>-</b>		<b>28.407.954</b>

**b, Thuế và các khoản phải nộp nhà nước:**

	01/01/2019	Số phát sinh	Số đã nộp	Số bù trừ với thuế phải thu	khác	31/12/2019
Thuế GTGT bán hàng nội địa	7.183.429.685	92.746.140.119	(64.551.064.013)	(28.230.459.591)		7.148.046.200
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	0	13.439.333.323	(13.439.333.323)			-
Thuế xuất nhập khẩu	0	879.563.130	(863.400.731)			16.162.399
Thuế thu nhập cá nhân	125.600.176	3.496.466.381	(3.488.191.024)			133.875.533
Thuế thu nhập DN	2.235.538.145	6.064.088.033	(6.608.323.686)			1.691.302.492
Các loại thuế khác	0	5.105.987.647	(5.105.855.197)			132.450
<b>Cộng</b>	<b>9.544.568.006</b>	<b>121.731.578.633</b>	<b>(94.056.167.974)</b>	<b>(28.230.459.591)</b>		<b>8.989.519.074</b>

**c, Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ:**

	01/01/2019	Số phát sinh	Số đã được hoàn	Số bù trừ với thuế GTGT phải nộp	khác	31/12/2019
Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ	23.177.871.945	170.858.481.449	(135.499.907.862)	(29.995.806.131)	(53.635.638)	28.487.003.763
<b>Cộng</b>	<b>23.177.871.945</b>	<b>170.858.481.449</b>	<b>(135.499.907.862)</b>	<b>(29.995.806.131)</b>	<b>(53.635.638)</b>	<b>28.487.003.763</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Chi phí phải trả ngắn hạn:**

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
<i>Chi phí trích trước DDP, giám sát, thuê, in (VP)</i>	575.996.324	593.314.364
<i>Chi phí lãi vay</i>	390.370.038	727.764.816
<i>Trích trước chi phí hoa hồng, VC, THC, bảo hiểm (NMS)</i>	2.157.718.391	1.672.400.734
<i>Trích trước chi phí tiền điện, nước, thùng (Đơn vị may)</i>	1.626.519.361	1.425.679.324
<i>Các chi phí khác</i>	2.120.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.752.724.114</b>	<b>4.419.159.238</b>

**13. Phải trả ngắn hạn khác:**

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
<i>Kinh phí công đoàn</i>	11.894.994.367	10.061.159.431
<i>Bảo hiểm xã hội</i>	3.008.252	617.157.545
<i>Bảo hiểm y tế</i>	7.032.491	113.816.993
<i>Bảo hiểm thất nghiệp</i>	292.923	47.888.965
<i>Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn</i>	195.595.075	179.007.118
<i>Lãi cổ tức phải trả</i>	794.136.047	705.864.547
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	3.827.422.555	4.266.759.073
<b>Cộng</b>	<b>16.722.481.710</b>	<b>15.991.653.672</b>

14. Vay và nợ thuê tài chính:

a, Vay ngắn hạn:

	31/12/2019	Phát sinh trong kỳ		01/01/2019
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Ngân hàng Công thương Đà Nẵng	46.325.952.215	397.507.942.855	403.699.978.101	52.517.987.461
+ Ngân hàng ĐT & PT Đà Nẵng	71.869.050.029	886.006.257.372	893.896.069.984	79.758.862.641
+ Ngân hàng Ngoại Thương ĐN	70.810.873.842	1.268.028.365.680	1.397.473.467.083	200.255.975.245
+ Ngân hàng Kỹ Thương ĐN	8.747.291.103	100.202.276.920	148.306.015.676	56.851.029.859
+ Ngân hàng Đông Nam Á-CN Đà Nẵng	14.267.114.284	291.259.811.158	342.391.172.061	65.398.475.187
+ Ban liên lạc hưu trí	180.000.000	-	20.000.000	200.000.000
+ Ngân hàng Đầu tư Hội An	-	4.337.272.772	6.358.160.491	2.020.887.719
<b>Cộng</b>	<b>212.200.281.473</b>	<b>2.947.341.926.757</b>	<b>3.192.144.863.396</b>	<b>457.003.218.112</b>

**b, Vay dài hạn:**

	31/12/2019	Phát sinh trong kỳ		01/01/2019
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Ngân hàng Công thương Đà Nẵng	127.807.101.489	2.882.920.950	25.882.436.215	150.806.616.754
+ Ngân hàng TMCP Quốc Tế	12.560.685.696	118.064.072	7.490.749.907	19.933.371.531
+ Vay dài hạn NH Indovina	630.302.655	13.838.772	1.279.173.556	1.895.637.439
+ Vay dài hạn NH Ngoại Thương Đà Nẵng	7.273.685.620	159.382.928	14.725.541.939	21.839.844.631
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	109.710	2.550.749.130	2.550.639.420
+ Tập đoàn DMVN (Dự án ADB)	213.795.553.363	1.111.852.605	4.989.900.091	217.673.600.849
+ Kuraray	4.645.800.000	60.700.000	4.714.500.000	9.299.600.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu Tư - Hội An	650.000.000		600.000.000	1.250.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Quảng Nam(DX)	-	-	600.000.000	600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>367.363.128.823</b>	<b>4.346.869.037</b>	<b>62.833.050.838</b>	<b>425.849.310.624</b>

**c, Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng:**

	31/12/2019	Phát sinh trong kỳ		01/01/2019
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Các khoản vay dài hạn hoàn trả trong vòng 12 tháng	60.860.325.547	61.131.644.188	59.743.736.804	59.472.418.163
<b>Cộng</b>	<b>60.860.325.547</b>	<b>61.131.644.188</b>	<b>59.743.736.804</b>	<b>59.472.418.163</b>

Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số các khoản phải thu, hàng tồn kho, và tài sản cố định của Tổng công ty

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**15. Thay đổi vốn chủ sở hữu:**

**a, Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
<b>Số dư tại 01/01/2018</b>	<b>225.000.000.000</b>	<b>84.867.338.095</b>	<b>84.489.432.518</b>	<b>43.275.409.105</b>	<b>437.632.179.718</b>
- Phân bổ vào các quỹ		13.312.017.992	(13.312.017.992)		-
- Lãi trong năm			96.245.740.205	4.356.289.722	100.602.029.927
- Cổ tức			(45.000.000.000)	(2.714.400.000)	(47.714.400.000)
- Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi			(27.010.998.438)	(156.078.000)	(27.167.076.438)
- Biến động khác			166.170.283	(18.889.447.361)	(18.723.277.078)
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>225.000.000.000</b>	<b>98.179.356.087</b>	<b>95.578.326.576</b>	<b>25.871.773.466</b>	<b>444.629.456.129</b>
<b>Số dư tại 01/01/2019</b>	<b>225.000.000.000</b>	<b>98.179.356.087</b>	<b>95.578.326.576</b>	<b>25.871.773.466</b>	<b>444.629.456.129</b>
- Tăng vốn trong năm				30.000.000	30.000.000
- Phân bổ vào các quỹ		15.103.682.613	(15.103.682.613)	-	-
- Lãi trong năm			120.559.206.044	(3.992.357.636)	116.566.848.408
- Cổ tức			(56.250.000.000)		(56.250.000.000)
- Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi			(23.602.191.144)		(23.602.191.144)
- Biến động khác			(4.293.528.074)	4.293.528.074	-
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>225.000.000.000</b>	<b>113.283.038.700</b>	<b>116.888.130.789</b>	<b>26.202.943.904</b>	<b>481.374.113.393</b>

**b, Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:**

	31/12/2019	01/01/2019
Vốn góp của Tập đoàn Dệt may Việt Nam	146.156.210.000	146.156.210.000
Vốn góp của các đối tượng khác	78.843.790.000	78.843.790.000
<b>Cộng</b>	<b>225.000.000.000</b>	<b>225.000.000.000</b>



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***c, Cổ phiếu:**

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	22.500.000	22.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	22.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	22.500.000	22.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	22.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

**16. Quỹ khen thưởng phúc lợi:**

	<b>Quỹ khen thưởng phúc lợi</b>
Số dư tại ngày 01/01/2019	<b>53.865.672.577</b>
Trích lập trong năm từ lợi nhuận thuần	23.602.191.144
Tăng khác trong kỳ	310.144.999
Sử dụng trong kỳ	(7.590.905.632)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2019</b>	<b>70.187.103.088</b>

**17. Các yếu tố ngoài bảng cân đối kế toán:**

- Ngoại tệ các loại:**

	<b>31/12/2019</b>		<b>01/01/2019</b>	
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>VNĐ</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>VNĐ</b>
<b>USD</b>	385.173,00	8.926.178.653	682.112,40	15.787.254.561
<b>EUR</b>	232,98	6.002.634	244,33	6.455.657

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**a, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</b>
+ Doanh thu bán hàng	4.252.099.300.325	4.343.881.434.527
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.908.808.276	1.244.872.767
+ Doanh thu khác	1.281.516.786	958.690.420
<b>Cộng</b>	<b>4.255.289.625.387</b>	<b>4.346.084.997.714</b>

**b, các khoản giảm trừ doanh thu:**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</b>
Chiết khấu thương mại	1.742.793	5.178.879
Giảm giá hàng bán	-	187.271.040
Hàng bán bị trả lại	918.027.088	997.598.014
<b>Cộng</b>	<b>919.769.881</b>	<b>1.190.047.933</b>

**2. Doanh thu hoạt động tài chính:**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay,	1.781.768.863	2.154.080.550
Chiết khấu thanh toán	67.734.949	67.290.033
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	22.947.784.162	20.185.860.612
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	731.190.744	-
Lợi nhuận được chia	192.000.000	210.000.000
<b>Cộng</b>	<b>25.720.478.718</b>	<b>22.617.231.195</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**3. Chi phí tài chính:**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</b>
Chi phí lãi tiền vay	36.226.973.281	40.558.013.855
Lỗi chênh lệch tỷ giá thực hiện	6.031.356.050	16.415.153.871
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	10.201.846.851
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	-	589.886.784
<b>Cộng</b>	<b>42.258.329.331</b>	<b>67.764.901.361</b>

**4. Chi phí bán hàng:**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</b>
Chi phí nhân viên	5.611.040.289	6.951.609.286
Chi phí vật liệu, bao bì	620.524.759	934.289.673
Chi phí dụng cụ đồ dùng	1.510.248.720	1.292.857.594
Chi phí khấu hao TSCĐ	101.198.586	91.131.840
Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.903.781.863	62.181.164.764
Chi phí bằng tiền khác	12.911.912.128	16.097.681.025
<b>Cộng</b>	<b>87.658.706.345</b>	<b>87.548.734.182</b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp:**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</b>
Chi phí nhân viên	66.487.817.529	74.117.364.692
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.852.599.189	1.530.260.947
Chi phí khấu hao TSCĐ	9.039.610.877	9.424.361.159
Thuế, phí và lệ phí	3.293.426.096	4.021.721.402
Chi phí dự phòng	-	4.665.744.231
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.331.420.296	21.912.956.931
Chi phí bằng tiền khác	24.700.089.931	25.632.133.968
<b>Cộng</b>	<b>123.704.963.918</b>	<b>141.304.543.330</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Thu nhập khác:**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</b>
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	277.841.257	3.030.374.094
Các khoản thu khác	1.793.709.668	1.926.030.046
<b>Cộng</b>	<b>2.071.550.925</b>	<b>4.956.404.140</b>

**7. Chi phí khác:**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</b>
Các khoản chi khác	2.304.250.153	4.079.710.371
<b>Cộng</b>	<b>2.304.250.153</b>	<b>4.079.710.371</b>

**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.182.322.735.032	2.265.453.099.437
Chi phí nhân công	1.126.280.384.952	1.207.962.075.935
Chi phí khấu hao TSCĐ	169.157.547.325	153.195.666.276
Chi phí dịch vụ mua ngoài	573.832.073.542	629.879.897.062
<b>Cộng</b>	<b>4.051.592.740.851</b>	<b>4.256.490.738.710</b>

**9. Báo cáo bộ phận:**

Một bộ phận là một phần không thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Tổng công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về dệt may.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Tổng công ty đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC*

*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tổng công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Trung Quốc
- Hoa Kỳ
- Vương quốc Anh
- Nhật Bản
- Châu Phi
- Việt Nam
- Các vùng địa lý khác

Đơn vị tính: 1.000.000 đồng

	Trung Quốc		Hoa Kỳ		Vương Quốc Anh		Nhật Bản		Châu Phi		Việt Nam		Các vùng địa lý khác		Hợp nhất	
	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018
Tổng doanh thu của bộ phận	1.300.534	1.352.058	852.565	817.319	54.786	47.188	426.806	421.984	344.892	354.821	177.637	310.609	1.098.070	1.042.105	4.255.290	4.346.085
Kết quả kinh doanh của bộ phận	67.914	86.786	107.647	103.330	2.147	3.638	34.711	41.677	13.384	32.002	53.835	26.538	68.286	87.665	347.924	381.636
Thu nhập không phân bổ															28.561	22.617
Chi phí không phân bổ															253.622	296.618
Kết quả từ hoạt động kinh doanh															122.864	107.635
Thu nhập khác															2.072	4.956
Chi phí khác															2.304	4.080
Thuế TNDN															6.064	7.910
Lợi nhuận thuần sau thuế															116.567	100.602

